

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/DS-PT
Ngày: 19 - 02 - 2020
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trí Tuấn

Ông Phan Tô Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 424/2019/TLPT-DS ngày 08 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2019/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 365/2020/QĐXX-PT ngày 15 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Ngọc ND, sinh năm: 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: 311 Lakeviwe St, Pineville, Louisiana, USA.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm: 1978 (có mặt).

Địa chỉ: A15-01B Toà nhà Babylon, 683A Âu Cơ, phường S3, quận S4, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản uỷ quyền lập ngày 28/3/2018)

- Bị đơn: Ông Trần Văn BĐ, sinh năm: 1957 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 1, khu phố S5, Phường S2, thị xã S6, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông BĐ: Luật sư Nguyễn Ngọc L - Văn phòng Luật sư Công Anh thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi (có mặt).

- Người làm chứng:

1 Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1990; địa chỉ: 28/42 S8, phường S7, quận S4, Thành phố Hồ Chí Minh (xin vắng mặt).

2. Ông Phạm Văn M, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ 8, khu phố S4, phường S6, thị xã S6, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (xin vắng mặt).

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Trần Văn BĐ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc NĐ và ông Nguyễn Văn P là người đại diện theo ủy quyền của ông NĐ trình bày:

Năm 2015, ông Nguyễn Ngọc NĐ với ông Trần Văn BĐ thỏa thuận, ông NĐ đưa tiền cho ông BĐ để mua dùm nhà đất cho ông NĐ đối với các thửa đất sau:

- Thửa đất số 980, Tờ bản đồ số 12 tại xã S2 có diện tích 125 m²;
- Thửa đất số 981, Tờ bản đồ số 12 tại xã S2 có diện tích là 129 m²;
- Thửa đất số 982, Tờ bản đồ số 12 tại xã S2 có diện tích là 132 m².

Cả 03 thửa đất này đều tại ấp S5, xã S2, huyện S3, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Việc ông NĐ thỏa thuận chuyển tiền cho ông BĐ để mua 03 lô đất này chỉ bằng miệng chứ không làm giấy tờ. Trước ngày 12/10/2015, ông NĐ nhiều lần đưa tiền mặt cho ông BĐ (lúc đưa tiền không ai chứng kiến) mục đích để nhận chuyển nhượng 03 lô đất như đã nêu trên. Sau khi ông BĐ nhận chuyển nhượng xong 03 lô đất này, ông BĐ viết Giấy vay nợ ngày 12/10/2015 có nội dung là ông BĐ có vay nợ của ông NĐ 40.000USD. Khi viết giấy vay nợ này, có sự chứng kiến của ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị Cẩm N. Ông D, bà N là bạn bè với ông NĐ, ông BĐ. Trong tổng số tiền 40.000 USD theo giấy vay nợ này thì có 37.500 USD là ông NĐ và người nhà ông NĐ đưa trực tiếp cho ông BĐ, còn 2.500 USD là ông NĐ chuyển qua Ngân hàng Vietcombank cho ông BĐ trước ngày viết giấy vay nợ.

Số tiền ông NĐ chuyển cho ông BĐ thông qua hệ thống Money Gram và Western Union từ ngày 01/5/2015 đến ngày 28/02/2018 tại các Ngân hàng sau:

- Ngân hàng Thương mại cổ phần Sacombank là 48.000 USD.
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) Chi nhánh Vũng Tàu – Phòng giao dịch S6 là 11.600 USD.

Tổng cộng là 59.600 USD nhưng có 2500 USD đã ghi vào giấy vay nợ ngày 12/10/2015 còn lại 57.100 USD chưa ghi giấy nhận nợ.

Ngoài ra, ông NĐ còn gửi tiền cho ông BĐ tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) Chi nhánh huyện S3 (nay là thị xã S6), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Thời gian cụ thể mà ông NĐ gửi tiền, cũng như ngày ông BĐ nhận tiền thì ông NĐ không nhớ, cũng không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc ông NĐ chuyển cho ông BĐ tại hệ thống của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam nên ông NĐ không yêu cầu Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ chuyển tiền tại ngân hàng này.

03 (Ba) lô đất đã nêu trên mà ông NĐ nhờ ông BĐ nhận chuyển nhượng, ông BĐ đã được UBND huyện S3 (nay là UBND thị xã S6) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 745662 ngày 08/7/2015; được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện S3 điều chỉnh sang tên cho ông BĐ ngày 18/8/2015 đối với các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 902246 ngày 28/10/2014 và số BX 902252 ngày 28/10/2014.

Nay, ông Nguyễn Ngọc NĐ yêu cầu ông Trần Văn BĐ phải trả lại cho ông số tiền là 97.100 USD theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam niêm yết tại thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 26/6/2019

Trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn ông Trần Văn BĐ trình bày:

Vào năm 2015, ông BĐ xác nhận có nhận chuyển nhượng 03 thửa đất như ông NĐ trình bày tại ấp S5, xã S2, thị xã S6, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 745662 ngày 08/7/2015; được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện S3 điều chỉnh sang tên cho ông BĐ ngày 18/8/2015 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 902246 ngày 28/10/2014 và số BX 902252 ngày 28/10/2014. Tổng số tiền mà ông BĐ bỏ ra để nhận chuyển nhượng 03 thửa đất này là 690.000.000 đồng, không liên quan đến số tiền mà ông NĐ chuyển về cho ông BĐ. Số tiền này ông BĐ vay của bà Trần Thị Hồng N1 (là con gái của ông BĐ) 600.000.000 đồng, vay của bà Lê Thị Phiếu 350.000.000 đồng (bà P1 ở nhà thuê nên không rõ địa chỉ). Việc ông BĐ vay tiền của bà N1 và bà P1 chỉ nói miệng chứ không lập hợp đồng.

Sau khi nhận chuyển nhượng đất, ông BĐ xây nhà để cho thuê và ở. Trong lúc xây dựng nhà, ông NĐ từ Mỹ về có ghé thăm, ông BĐ ngỏ ý vay của ông NĐ 40.000 USD và ông BĐ hứa là trong thời hạn 03 năm, ông BĐ hoàn lại đủ số tiền này cho ông NĐ. Nếu không có tiền trả cho ông NĐ, ông BĐ giao cho ông NĐ nhà và 03 thửa đất mà ông BĐ đã nhận chuyển nhượng. Ngày 12/10/2015, ông BĐ viết Giấy vay nợ có nội dung ông BĐ vay nợ ông NĐ 40.000 USD; có người làm chứng là ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị Cẩm N; địa chỉ: Tổ 1, khu phố S5, phường S2, thị xã S6, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cùng ký tên. Mục đích ông BĐ viết Giấy vay nợ này đưa cho ông NĐ để khi ông NĐ trở lại Mỹ để ông NĐ chuyển tiền cho ông BĐ chứ lúc viết Giấy vay nợ này, ông NĐ chưa đưa tiền cho ông BĐ. Sau hai năm, kể từ ngày ông BĐ viết Giấy vay nợ, ông NĐ chuyển khoản về và ông BĐ nhận tại Ngân hàng TMCP Sacombank là 48.000USD và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam là 11.600USD. Số tiền này ông NĐ gửi về cho ông BĐ để ông BĐ thực hiện công việc cho ông NĐ cụ thể như sau:

Khi ông BĐ xây nhà xong, ông NĐ đề nghị ông BĐ cho cả gia đình dì ba của ông NĐ vào ở trong nhà, ông BĐ phải lo toàn bộ chi phí ăn, uống, điện nước. Khi ông NĐ và mẹ của ông NĐ về Việt Nam, ông BĐ lo hết mọi chi phí ăn ở. Mua đồ dùng cho gia đình của ông NĐ, mua xe mô tô, đồ trang sức và các vật dụng cho người nhà của ông NĐ với tổng số tiền là 1.067.360.000 đồng.

Ông NĐ còn nhờ ông BĐ đứng ra vay tiền để nhận chuyển nhượng nhà đất tại tổ 12, ấp S1, xã S2, huyện S3, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu do ông Phạm Văn M làm chủ với giá 750.000.000 đồng để cho ông Nguyễn Ngọc S là em họ của ông NĐ đứng tên. Ông BĐ vay dùm ông NĐ 250.000.000 đồng; trong đó số tiền vay 200.000.000 đồng thì lãi suất 10%/tháng cho 03 tháng đầu còn những tháng tiếp theo lãi suất 5%/tháng; số tiền vay 50.000.000 đồng thì lãi suất 15%/tháng trong 06 tháng đầu còn những tháng tiếp theo thì lãi suất là 5%/tháng. Sau khi nhận chuyển nhượng nhà đất xong thì ông NĐ yêu cầu ông BĐ vay thêm cho ông NĐ 200.000.000 đồng để sửa chữa, nâng cấp nhà. Ông BĐ đã vay thêm cho ông NĐ 200.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng cho 03 tháng đầu còn những tháng tiếp theo lãi suất 5%/tháng. Số tiền 500.000.000 đồng mà ông S vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Sacombank để trả tiền mua nhà đất thì ông S thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay nhưng ông BĐ trả lãi 11 tháng đầu là 8.000.000đồng/tháng. Tổng số tiền ông BĐ đứng ra vay dùm và trả lãi cho ông NĐ mua nhà đất tại tổ 12, ấp S1, xã S2, huyện S3, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là 1.010.500.000 đồng; trong đó nợ gốc là 450.000.000 đồng, tiền lãi là 560.500.000 đồng. Tổng số tiền mà ông BĐ đã chi cho ông NĐ là 2.077.860.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà ông BĐ chi theo yêu cầu của ông NĐ là lớn hơn số tiền ông NĐ chuyển về cho ông BĐ nhưng ông BĐ không yêu cầu phản tố. Chứng cứ để chứng minh ông NĐ nhờ ông BĐ mượn tiền thì ông BĐ không có để cung cấp cho Tòa án.

Nay ông BĐ đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông NĐ.

2. Những người làm chứng trình bày:

2.1. Ông Nguyễn Ngọc S trình bày:

Ngày 01/11/2016, ông S có nhờ ông BĐ đến gặp ông Phạm Văn M để đặt cọc nhận chuyển nhượng thửa đất 192, Tờ bản đồ 14 xã S2 có diện tích 312m². Ông S đặt cọc cho ông M 300.000.000 đồng. Nhờ sự quen biết giữa ông BĐ và ông M nên sau khi ông S đặt cọc cho ông M 300.000.000 đồng thì ông M làm thủ tục chuyển nhượng sang tên cho ông S. Sau khi sang tên xong thì ông S đưa sổ đỏ đến Chi nhánh Ngân hàng Thương mại cổ phần Sacombank tại thị xã S6 để vay 500.000.000 đồng, ông S trả cho ông M 450.000.000 đồng và đưa cho ông BĐ 50.000.000 đồng để thuê sửa nhà dùm. Tiền vay Ngân hàng là do ông S vay và ông S trả cả nợ lãi và gốc chứ không liên quan gì đến ông BĐ. Ông S, ông Nguyễn Văn Hùng, chị Nguyễn Thị Mỹ Linh và 02 người con của chị Linh có ở tại căn nhà do ông BĐ thuê từ cuối năm 2016 đến cuối năm 2017 là do ông BĐ đổi nhà với ông S vì nhà ông BĐ thuê lớn hơn nhà ông S thuê. Còn mọi chi phí ăn ở sinh hoạt thì đều do gia đình ông S tự chi chứ không liên quan gì ông BĐ. Ông BĐ không chi bất kỳ khoản tiền nào cho gia đình ông S.

2.2. Ông Phạm Văn M trình bày:

Ông M có chuyển nhượng cho ông BĐ 04 thửa đất; trong đó có thửa đất 192, Tờ bản đồ số 14 xã S2, huyện S3 có diện tích 312m² thì ông BĐ đến gặp ông M để đặt vấn đề chuyển nhượng đất còn ông S là người đứng tên nhận chuyển nhượng đất. Việc ông BĐ nhờ ông M làm chứng là ông BĐ dùng tiền do ông NĐ chuyển về trả tiền nhận chuyển nhượng đất cho ông BĐ hay tiền ông BĐ vay để trả tiền nhận chuyển nhượng đất cho ông M thì ông M không biết. việc chuyển nhượng đất giữa ông M, ông BĐ, ông S đã hoàn thành và các bên không tranh chấp nên ông M không liên quan đến vụ án này.

2.3. Bà Lê Thị C trình bày:

Ông BĐ thuê nhà ông M ở sát nhà bà C nên bà C biết ông BĐ. Ông BĐ giới thiệu là có ông NĐ gọi ông BĐ bằng chú, ông NĐ đang ở Hoa Kỳ chứ bà C không rõ quan hệ giữa ông BĐ và ông NĐ như thế nào. Bà C thấy có cha, mẹ ông S, ông S và chị gái ông S là bà L1 cùng 02 người con của bà L1 đến ở tại nhà do ông BĐ thuê. Sau đó có ông NĐ, ba của ông NĐ ở nước ngoài về cũng

sống ở nhà này một thời gian. Ông BĐ có vay của bà C 400.000.000 đồng và khi vay thì ông BĐ nói là vay để mua nhà của ông M cho ông S đứng tên còn sự thực như thế nào thì bà C không biết. Số tiền ông BĐ vay của bà C thì ông BĐ đã trả đủ cho bà C cả tiền lãi và tiền gốc nên bà C không liên quan gì đến vụ kiện giữa ông NĐ với ông BĐ.

2.4. Ông Trần Văn D trình bày:

Ông D ở gần nhà mà ông BĐ thuê của ông M. Vào khoảng tháng 10/2015, ông BĐ có mời ông D, bà Nguyễn Thị Cẩm N (con của bà Lê Thị C) và một số người khác, trong đó có ông NĐ đi uống cà phê. Tại quán cà phê thì ông NĐ, ông BĐ đề nghị ông D làm chứng việc ông BĐ viết giấy nhận nợ ông NĐ 40.000 USD nhưng ông NĐ về Mỹ thì mới gửi tiền cho ông BĐ. Giấy nhận nợ thì do ông BĐ viết và ký đồng thời ông D cũng ký chứng kiến. Ông NĐ nói là ông NĐ gửi tiền cho ông BĐ để mua đất xây nhà còn mua đất ở đâu và chuyển tiền như thế nào thì ông D không biết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm 23/2019/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc NĐ về việc đòi lại tài sản đối với bị đơn ông Trần Văn BĐ.

2. Xử buộc ông Trần Văn BĐ phải trả lại cho ông Nguyễn Ngọc NĐ số tiền 2.259.031.500 đồng (Hai tỷ, hai trăm năm mươi chín triệu, không trăm ba mươi mốt ngàn, năm trăm đồng) tương ứng với tỷ giá 97.100 USD (Chín mươi bảy ngàn một trăm USD).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đến khi thi hành xong các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 648 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí dân sự và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 05/7/2019, bị đơn ông Trần Văn BĐ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn ông Trần Văn BĐ kháng cáo yêu cầu sửa bản án dân sự sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc NĐ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông BĐ, luật sư Nguyễn Ngọc L phát biểu ý kiến:

Bị đơn ông Trần Văn BĐ thừa nhận có viết giấy vay tiền ngày 12/10/2015 nhưng chỉ để làm tin, khi đó ông NĐ không giao tiền. Từ năm 2014 - 2015, ông BĐ đã chuyển nhượng xong 03 thửa đất nêu trong giấy vay tiền.

Từ năm 2015 - 2018, ông BĐ có nhận tiền từ ông NĐ chuyển về tổng cộng là 59.600USD, nhưng số tiền này ông BĐ lo toàn bộ chi phí ăn, uống, điện nước cho di ba của ông NĐ cũng như khi ông NĐ và mẹ của ông NĐ về Việt Nam, tổng số tiền là 1.067.360.000 đồng. Ngoài ra, ông NĐ còn nhờ ông BĐ mượn tiền dùm và trả lãi, tổng cộng là 1.010.500.000 đồng. Như vậy ông BĐ chi tổng cộng cho ông NĐ số tiền 2.077.860.000 đồng là lớn hơn số tiền ông NĐ chuyển về cho ông BĐ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, chấp nhận kháng cáo của ông BĐ, sửa bản án dân sự sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông NĐ.

Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc NĐ (có ông Nguyễn Văn P đại diện theo ủy quyền) không đồng ý kháng cáo, yêu cầu giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật;

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông BĐ kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông BĐ và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông BĐ kháng cáo cho rằng giấy nợ ngày 12/10/2015 ông viết với mục đích để làm tin khi ông NĐ trở lại Mỹ, sẽ chuyển tiền về cho ông BĐ, thật sự ông NĐ chưa đưa tiền cho ông BĐ. Ông NĐ (có ông Nguyễn Văn P đại diện theo ủy quyền) không đồng ý khai nhận của ông BĐ và khai nhận trước khi viết giấy nợ này ông NĐ đã gửi tiền trực tiếp cho ông BĐ nhiều lần tổng cộng 40.000 (bốn chục nghìn) USD.

[2] Giấy vay nợ ngày ngày 12/10/2015 do ông BĐ viết, có nội dung: “...làm giấy này xác nhận có vay nợ ông NĐ 40.000 USD để mua 03 miếng đất tại ấp S5, xã S2, huyện S3 gồm: Thửa đất số 980, Tờ bản đồ số 12 xã S2 có diện tích 125m²; thửa đất số 981, Tờ bản đồ số 12 xã S2 có diện tích là 129m²; Thửa đất số 982, Tờ bản đồ số 12 xã S2 có diện tích là 132m². Ông BĐ xây nhà trên 03 thửa đất này. Trong thời hạn 03 năm thì ông BĐ phải hoàn lại số tiền này cho ông NĐ. Nếu ông BĐ không có khả năng hoàn lại số tiền này cho ông NĐ thì ông BĐ phải giao cả 03 thửa đất và nhà trên 03 thửa đất này cho ông NĐ. Nếu quá trình xây dựng nhà mà ông BĐ có nợ Ngân hàng thì ông NĐ phải thanh toán cho Ngân hàng. Ông BĐ nhận chuyển nhượng đất và xây nhà trong tình trạng độc thân nên không ai có quyền tranh chấp với ông NĐ...”.

[3] Căn cứ vào giấy vay nợ nêu mục tại [2], tài liệu trong hồ sơ vụ án, khai nhận của các đương sự, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xác định trước khi viết giấy nợ ngày 12/5/2015 ông BĐ đã nhiều lần nhận tiền của của ông NĐ là có cơ sở. Bởi vì, ông BĐ đã nhận tiền nên mới viết Giấy xác nhận có vay nợ số tiền nêu trên; hơn nữa, trong giấy vay tiền cũng thể hiện ông BĐ vay tiền ông NĐ để nhận chuyển nhượng 03 thửa đất 980, 981, 982, Tờ bản đồ 12 xã S2, huyện S3. Vào thời điểm viết giấy vay nợ, ông BĐ đã nhận chuyển nhượng hoàn thành 03 thửa đất trên vào ngày 18/5/2015 và ngày 08/7/2015, là trước ngày 12/10/2015, phù hợp với nội dung của giấy vay nợ. Ngoài ra, ông BĐ cũng thừa nhận ông NĐ gửi cho ông BĐ vào ngày 19/8/2015 là 2.000 USD và ngày 12/10/2015 là 500 USD tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) cũng đã viết vào trong giấy vay nợ ngày 12/10/2015. Do đó, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông NĐ xác định ông BĐ có nợ ông NĐ số tiền 40.000 (bốn chục nghìn) USD là có căn cứ.

[4] Đối với kháng cáo cho rằng, từ năm 2015 - 2018, ông BĐ có nhận tiền từ ông NĐ chuyển về tổng cộng là 59.600USD, nhưng số tiền này ông BĐ lo toàn bộ chi phí ăn, uống, điện nước cho di ba của ông NĐ cũng như khi ông NĐ và mẹ của ông NĐ về Việt Nam, tổng số tiền là 1.067.360.000 đồng. Ngoài ra, ông NĐ còn nhờ ông BĐ đứng ra vay tiền để nhận chuyển nhượng nhà đất tại tổ 12, ấp S1, xã S2, huyện S3, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu do ông Phạm Văn M làm chủ với giá 750.000.000 đồng để cho ông Nguyễn Ngọc S là em họ của ông NĐ đứng tên. Ông NĐ còn nhờ ông BĐ mượn tiền dùm và trả lãi, tổng cộng các khoản là 1.010.500.000 đồng. Như vậy, ông BĐ chi tổng cộng cho ông NĐ số tiền 2.077.860.000 đồng là lớn hơn số tiền ông NĐ chuyển về cho ông BĐ.

[5] Như phân tích ở trên, số tiền 2.500 USD mà ông NĐ gửi cho ông BĐ từ ngày 12/10/2015 trở về trước đã được ghi Giấy vay nợ ngày 12/10/2015 nên số tiền mà ông BĐ nhận tại Ngân hàng chưa viết giấy vay tiền được xác định là

59.600 USD – 2.500 USD = 57.100 USD. Như vậy, tổng số tiền mà ông BĐ nhận từ ông NĐ theo Giấy vay nợ và nhận tại Ngân hàng là 40.000 USD + 57.100 USD = 97.100 USD. Tỷ giá USD theo niêm yết của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 26/6/2019 mua vào là 23.265VND/1USD thành tiền Việt Nam là 2.259.031.500 đồng.

[6] Ông BĐ khai nhận ông đã chi những khoản tiền nêu tại mục [4] theo yêu cầu của ông NĐ. Tuy nhiên, ông S là người làm chứng không thừa nhận có việc ông BĐ bỏ tiền ra để ông S nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông M. Ông NĐ (có ông Phú đại diện theo ủy quyền) không đồng ý khai nhận của ông BĐ. Ông BĐ không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh là đã chi các khoản tiền tại mục [4] theo yêu cầu của ông NĐ. Vì vậy, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận lời trình bày này của ông BĐ là phù hợp.

[7] Từ những phân tích, Hội đồng xét xử phúc thẩm, xét thấy bản án của Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông NĐ buộc ông BĐ phải trả lại cho ông NĐ số tiền 2.259.031.500 (Hai tỷ, hai trăm năm mươi chín triệu, không trăm ba mươi một ngàn, năm trăm đồng) tương ứng với tỷ giá 97.100 USD (Chín mươi bảy ngàn một trăm USD) là đúng. Tại phiên toà phúc thẩm, ông BĐ kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới để chứng minh cho khai nhận của mình nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông BĐ cũng như đề nghị của luật sư người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông BĐ và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ chấp nhận.

[8] Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không kháng cáo, không bị kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: ông BĐ được miễn theo quy định pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn BĐ.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm 23/2019/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc NĐ về việc đòi lại tài sản đối với bị đơn ông Trần Văn BĐ.

Xử buộc ông Trần Văn BĐ phải trả lại cho ông Nguyễn Ngọc NĐ số tiền 2.259.031.500 đồng (Hai tỷ, hai trăm năm mươi chín triệu, không trăm ba mươi một ngàn, năm trăm đồng) tương ứng với tỷ giá 97.100 USD (Chín mươi bảy ngàn một trăm USD).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đến khi thi hành xong các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 648 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 77.180.630 đồng cho ông Trần Văn BĐ.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Ngọc NĐ tiền tạm ứng án phí mà ông NĐ đã nộp là 38.033.144 đồng (Ba mươi tám triệu, không trăm ba mươi ba ngàn, một trăm bốn mươi bốn đồng) theo Biên lai thu số 0001753 ngày 09 tháng 5 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Án phí dân sự phúc thẩm: ông Trần Văn BĐ được miễn.

3. Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không kháng cáo, không bị kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Trí Tuấn

Phan Tô Ngọc

Phan Nhựt Bình